

WILMAR OLEOCHEMICAL GROUP

MSDS: WOG-FA-022

NGÀY PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU: 01/02/2014

CHỈNH SỬA LẦN 1 NGÀY: 25/07/2014

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN AXÍT STEARIC

1. NHÂN DẠNG HÓA CHẤT

Tên gọi: Axit stearic 1838/1843
Mã Sản phẩm: WILFARIN SA 1838/1843
Mục đích sử dụng: Nguyên liệu dùng để sản xuất Nhựa, cao su, nến, và các SP liên quan từ Oleochemical
Tên nhà sản xuất: 1. Natural Oleochemical Sdn. Bhd.
PLO 428, Jalan Besi Satu, Pasir Gudang Industrial Estate,
81700 Pasir Gudang, Malaysia.
2. Wilmar Nabati Indonesia
Jl. Kapten Darmo Sugondo No. 56, Gresik-61124, East Java,
Indonesia
3. Wilmar Nabati Indonesia Oleochemical
Jl. Pulau Sumatera, Kawasan Industri Dumai, Kelurahan
Pelintung, Medang Kampai Dumai-28816, Riau, Indonesia
4. Adani Wilmar Limited
Village Dhrub Navinal Island, Adani Port Road Mundra – Kutch
(Gujarat), India.
Liên hệ khẩn cấp: Nagarathanam (Natural Oleochemicals Sdn. Bhd)
DL : +607-2533751/2
e-mail : naga@wilmar.com.my

2. CÁC NGUY HẠI:

- a. Phân loại chất hoặc hỗn hợp: Sản phẩm không nguy hại
- b. Yếu tố nhân
- Chữ tượng hình: Không yêu cầu
 - Từ ngữ nhận biết: Không nguy hiểm
 - Thông báo nguy hiểm: Không áp dụng
- Mang găng tay, quần áo bảo hộ, bảo vệ mắt, bảo vệ mặt.
Nếu bị kích ứng da xảy ra: Cần sự tư vấn và chăm sóc của trung tâm y tế.
• Các cách phòng ngừa: Rửa tay thật kỹ sau khi xử lý.
Cởi quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
- c. Những nguy hiểm khác không có trong kết quả phân loại (ví dụ như vụ nổ nhỏ gây nguy hiểm): Không

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên	Thành phần hóa học	CAS-Number	EC-Number
Axit stearic	C18H36O2	57-11-4	200-313-4

4. NHÂN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

- a. Tiếp xúc với mắt
Ngay lập tức rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút, giữ mắt mở.
Cần được đưa đến trạm y tế khẩn cấp.
- b. Tiếp xúc qua da
Rửa sạch bằng xà bông và nước. Thay quần áo và giặt sạch.
- c. Hít phải
Tránh xa nơi tiếp xúc. Giữ ẩm và thoải mái. Đến trạm y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- d. Nuốt phải:
Rửa miệng bằng nước. Giữ ẩm và thoải mái. Đưa đến trung tâm y tế.
- e. Các triệu chứng cấp tính:
Không có

5. DỮ LIỆU VỀ CHÁY NỔ

- a) Sử dụng phương tiện chữa cháy phù hợp:
Sử dụng bột khô, phun nước, bọt, carbon dioxide để dập tắt. Tránh sử dụng nhiều nước.
- b) Những nguy hiểm phát sinh từ hóa chất (ví dụ như sản phẩm cháy nguy hiểm):
Khí khó chịu và độc tính cao có thể được tạo ra bằng cách phân hủy nhiệt hoặc đốt.
- c) Thiết bị bảo hộ đặc biệt và các biện pháp cứu hỏa: Mang máy thở và mặc đồ bảo hộ đầy đủ

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

a. Các biện pháp cần thiết để bảo vệ bản thân và thiết bị bảo vệ

Sử dụng găng tay cao su, mặt nạ khí, kính bảo hộ, giày bảo hộ và áo khoác phòng thí nghiệm. Bỏ quần áo bị ô nhiễm và rửa tay lúc nghỉ ngơi và vào cuối giờ làm nhiệm vụ. Rửa mắt và tắm khẩn cấp ở nơi làm việc và kho chứa hàng.

b. Các biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường: Không có

c. Các biện pháp dọn dẹp khi có chảy tràn:

Loại bỏ các nguồn gây cháy nổ.

Thu gom hóa chất bị chảy tràn và che phủ bằng vật liệu trơ hoặc hóa chất hấp phụ vô cơ, quét dọn và thu gom vào thùng chứa theo đúng quy định

Rửa lại bằng nước nóng và bột giặt. Làm theo các quy định của địa phương

7. BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ

a. Thận trọng trong việc bảo quản

Sử dụng ở nơi thông thoáng. Tránh tạo bụi. Tránh hít phải bụi. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Mang thiết bị bảo hộ cá nhân (xem phần 8). Mang thiết bị bảo hộ hô hấp. Vật liệu có thể gây trơn trượt.

b. Điều kiện cho việc lưu trữ an toàn (bao gồm cả sự không tương thích)

Tránh xa cống rãnh, loại đất, bề mặt & nước ngầm. Đóng kín thùng chứa khi không sử dụng.

Khu vực lưu trữ nên mát mẻ và khô ráo. Tránh xa lửa. Xếp xếp kho theo phân loại cấp độ nguy hiểm

c. Xử lý nhiệt độ: Xem hướng dẫn làm nóng.

8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

a. Giới hạn tiếp xúc của các chất hóa học, giới hạn phơi nhiễm sinh học...

Không thành lập.

b. Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Sử dụng các biện pháp phòng ngừa thông thường để xử lý hóa chất.

c. Trang thiết bị bảo hộ cá nhân

- Bảo vệ hệ hô hấp: Đeo bình thở không khí
- Bảo vệ Mắt: Mang kính bảo hộ
- Bảo vệ tay: Găng tay
- Bảo vệ thân: Mặc quần áo bảo hộ, giày an toàn
- Bảo vệ tay: Găng tay
- Bảo vệ thân: Mặc quần áo bảo hộ, giày an toàn

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

a. Trạng thái và hình dạng vật lý

Chất rắn màu trắng

b. Điểm nóng chảy

52-57 độ C

c. Điểm sôi

> 350 độ C @ 760mm Hg

d. Điểm bắt cháy

> 200 độ

e. Tỷ trọng

khoảng 0.85g/ml tại 72 độ C

f. Kích thước phân phối

không có

g. Áp suất hơi

< 1.0 mmHg @ 165 độ C

h. Hệ số phân dầu / nước

không có

i. Độ hòa tan nước

không có

j. Lực căng bề mặt

không có

k. Tự động cháy

không có

l. Tính dễ cháy

không có

m. Gây nổ

không có

n. Thuộc tính oxy hóa

không có

o. Ổn định trong dung môi hữu cơ

không có

p. Hằng số phân ly

không có

q. Độ dai

không có

10. MỨC ỒN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG

a. Độ ổn định: Không có

b. Khả năng phản ứng nguy hại: Không có

c. Điều kiện để tránh (ví dụ như xà tĩnh, sốc, rung động, vv): nhiệt, lạnh hoặc lửa trực tiếp

d. Vật liệu không bị Oxy Hóa

e. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Không biết

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc tính

Độc tính cấp tính

không có

Ăn mòn hoặc kích ứng da

không có

Ảnh hưởng đến mắt

không có

Hô hấp hoặc da nhạy cảm

không có

Ảnh hưởng tế bào

không có

Tính gây ung thư	không có
Độc tính sinh sản	không có
Độc tính cơ quan đích (tiếp xúc 1 lần)	không có
Độc tính cơ quan đích (lặp đi lặp lại tiếp xúc)	không có
Nguy hại khi hít	không có
Ảnh hưởng sức khỏe tiềm năng	không có
Hít phải	không có
Nuốt phải	không có
Da	không có
Mắt	không có
Các dấu hiệu và triệu chứng của phơi nhiễm:	
Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, hóa chất và độc tính vật lý không nghiên cứu kỹ	

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

a. Độc tính	không có
b. Tính ổn định và hủy	Dễ phân hủy sinh học
c. Tiềm năng tích tụ sinh học	không có
d. Độ linh hoạt trong đất	không có
e. Tác dụng phụ khác	không có

13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

- a. Phương pháp thải: Chất thải có thể được xử lý bởi một công ty xử lý chất thải được cấp phép. Thực hiện theo quy định xử lý của cơ quan nhà nước
- b. Biện pháp phòng ngừa để xử lý (bao gồm cả các phương pháp xử lý ô nhiễm và đóng gói). Sản phẩm và bao bì phải được xử lý theo quy định của cơ quan nhà nước

14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

a. Số UN	không có
b. Tên nhà vận chuyển thích hợp	không có
c. Phân loại vận chuyển nguy hiểm	Không nguy hiểm tùy theo RID / ADR, GGVS / GGVE, ADN, IMDG, ICAO-TI / IATA DGR.
d. Nhóm đóng gói, nếu có	không có
e. Ô nhiễm môi trường	không có

15. Thông tin điều chỉnh

a. Luật An toàn công nghiệp và sức khỏe	không có
b. Luật điều khiển Hóa chất độc hại	không có
c. Luật Quản lý an toàn chất nguy hiểm	không có
d. Luật Quản lý chất thải	không có
e. Các quy định khác tại các quốc gia trong và ngoài nước	
Tuân thủ các biện pháp theo quy định của các nước để thực hiện với các hóa chất được liệt kê trên EINECS (EU), TSCA-CSI (Mỹ), DSL (Canada), AICS (Australia), ENCS (Nhật Bản), ECL (Hàn Quốc), PICCS (Philippines) và IECSC (Trung Quốc).	

